



Số: 2690 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2030”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về việc xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kế hoạch số 171-KH/TU, ngày 24/11/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa về việc xây dựng Đề án chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2030;

Căn cứ Văn bản số 6500-CV/VPTU ngày 18/9/2024 của Văn phòng Tỉnh ủy thông báo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cho ý kiến đối với Đề án chuyển đổi xanh tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4479/SKHĐT-TH ngày 11/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Chuyển đổi xanh tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2024-2030” kèm theo Quyết định này với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

1.1. Mục tiêu tổng quát:

a. Mục tiêu đến năm 2030:

- Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao,

khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- GRDP bình quân đầu người phấn đấu vào nhóm 15 tỉnh, thành phố cao nhất cả nước. Kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc với một số đô thị đạt đẳng cấp quốc tế.

- Nhân dân được hưởng thụ mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc. Hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ; có năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

- Phát triển xanh và bền vững thông qua giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa các ngành kinh tế, tăng cường khả năng chống chịu, xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững, xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, năng lực chống chịu; thuộc top 10 cả nước về chuyển đổi xanh, tăng trưởng xanh theo bảng xếp hạng Chỉ số xanh cấp tỉnh.

b. Tầm nhìn đến năm 2045:

Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Đề án thống nhất áp dụng 62 chỉ tiêu để đánh giá và giám sát tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh của tỉnh Khánh Hòa, bao gồm:

- Chỉ tiêu chung: 03 chỉ tiêu.
- Công nghiệp xanh: 08 chỉ tiêu.
- Nông nghiệp xanh: 11 chỉ tiêu.
- Du lịch xanh: 12 chỉ tiêu.
- Hạ tầng xanh: 14 chỉ tiêu.
- Giao thông xanh: 09 chỉ tiêu.
- Lối sống xanh: 04 chỉ tiêu.
- Thương hiệu xanh: 01 chỉ tiêu.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và đến năm 2030 đối với từng chỉ tiêu theo Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

2. Danh mục dự án/nhiệm vụ dự kiến ưu tiên thực hiện:

Danh mục dự án/nhiệm vụ dự kiến ưu tiên thực hiện theo từng lĩnh vực được chi tiết tại Phụ lục II đính kèm Quyết định này.

3. Thời gian và kinh phí thực hiện

- Thời gian thực hiện Đề án: 2024-2030.
- Kinh phí thực hiện: Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Đính kèm các phụ lục

- Phụ lục I: Mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực trọng tâm.
- Phụ lục II: Danh mục dự án ưu tiên đầu tư và lộ trình thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án và tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan xác định và phân bổ nguồn lực tài chính để thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn, giám sát, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện.

2. Các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ Đề án và mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và đến năm 2030 đối với từng chỉ tiêu theo Phụ lục I đính kèm Quyết định này, các cơ quan, đơn vị, địa phương được phân công chủ trì nghiên cứu xây dựng chương trình, kế hoạch từng giai đoạn, hàng năm và quản lý, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện.

- Tổ chức xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ và phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu và các dự án/nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục I và II ban hành kèm theo Quyết định này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện **trước ngày 20 tháng 11 hàng năm** gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành;

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Lưu: VP, Tle, TNg. 38

DN-6.13

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC I

MỤC TIÊU CỤ THỂ CHO TỪNG LĨNH VỰC TRỌNG TÂM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2690 /QĐ-UBND ngày 15 /10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	Chỉ tiêu chung				
1	Cường độ phát thải KNK*	Giảm 5% so với 2022	Giảm 15% so với 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thống kê; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và PTNT
2	Tổng lượng phát thải KNK*	Giảm 5% so với 2022	Giảm 15% so với 2022	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và PTNT
3	Tiêu dùng năng lượng cuối cùng/GRDP*	Giảm 1,5%/ năm	Giảm 1,5%/ năm	Cục Thống kê	Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Nông nghiệp và PTNT
II	Lĩnh vực Công nghiệp				
4	Tỷ lệ sản lượng điện từ năng lượng tái tạo trên tổng sản lượng điện sản xuất	Thực hiện theo Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII hoàn thiện được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt		Sở Công Thương	
5	Tỷ lệ số KCN/CCN đạt ít nhất 50% số chỉ tiêu của KCN sinh thái trên tổng số KCN/CCN	10%	35%	BQL KKT Vân Phong; Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
6	Tỷ lệ doanh nghiệp áp dụng công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, phát thải các bon thấp trong sản xuất	10%	20%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Tỉ lệ số lao động có việc làm xanh trên tổng số lao động làm trong công nghiệp	10%	20%	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Cục Thống kê
8	Tỷ lệ cơ sở sản xuất phát sinh nước thải có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc có đấu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Tỉnh	70%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQL KKT Vân Phong; Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	100%	100%	BQL KKT Vân Phong	Sở Tài nguyên và Môi trường
10	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung được cấp giấy phép môi trường theo quy định	100%	100%	Sở Công Thương	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Tỷ lệ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở TNMT tỉnh/thành phố theo quy định của pháp luật	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	BQL KKT Vân Phong; Sở Công Thương
III	Lĩnh vực Nông nghiệp				
12	Lượng phân bón hóa học bình quân sử dụng trên một hecta đất trồng trọt	380kg/ha	300kg/ha	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
13	Lượng thuốc bảo vệ thực vật hóa học bình quân được sử dụng trên 1ha đất trồng trọt	1,95kg/ha	1,4kg/ha	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
14	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiết kiệm nước	25%	60%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
15	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp đạt hiệu quả và bền vững	37%	45%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
16	Tỷ lệ chiều dài kênh mương được kiên cố	75,5%	89%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
17	Diện tích đất bị thoái hóa	Không có	Không có	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thống kê
18	Diện tích các loại cây trồng được chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) và tương đương	55ha	310ha (290ha lúa + 20ha rau)	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
19	Diện tích nuôi trồng thủy sản được chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) và tương đương	7ha	42ha	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
20	Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi lợn trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch.	71%	77%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Cục Thống kê
21	Tỷ lệ diện tích hệ sinh thái biển được phục hồi.	30%	60%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường
22	Tỷ lệ che phủ rừng	45,58%	46,5%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường
IV	Lĩnh vực Du lịch				

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
23	Tỷ lệ đóng góp của hoạt động du lịch trong GRDP	12%	14%	Cục Thống kê	Sở Du lịch
24	Tỷ lệ các điểm đến du lịch, cơ sở kinh doanh du lịch được dán nhãn xanh	30%	80%	Sở Du lịch	Các Sở, ban ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hiệp hội Du lịch Nha Trang – Khánh Hòa
25	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh du lịch (lưu trú, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, mua sắm) phát sinh nước thải từ 10 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường	50%	80%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố
26	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở kinh doanh du lịch (lưu trú, nhà hàng, lễ hành, vui chơi giải trí) được phân loại tại nguồn	50%	80%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố
27	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh du lịch (lưu trú, nhà hàng, lễ hành, vui chơi giải trí) cam kết không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và túi ni lông khó phân hủy	50%	80%	Sở Du lịch	Sở Tài nguyên và Môi trường
28	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh du lịch (lưu trú, nhà hàng, lễ hành, vui chơi giải trí) đầu tư và sử dụng năng lượng tái tạo	85%	95%	Sở Du lịch	Sở Công Thương
29	Số tuyến điểm du lịch kết nối các khu/điểm đến du lịch xanh trong toàn tỉnh	1-2	4-6	Sở Du lịch	Hiệp hội Du lịch Nha Trang – Khánh Hòa
30	Mỗi khu/điểm du lịch có sản phẩm du lịch xanh được đưa vào khai thác	2 sản phẩm	6-8 sản phẩm	Sở Du lịch	Hiệp hội Du lịch Nha Trang – Khánh Hòa

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
31	Bản đồ số du lịch xanh kết nối các điểm đến, các cơ sở du lịch xanh Khánh Hoà để cung cấp thông tin cho khách du lịch	100%	100%	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông
32	Số trung tâm điều hành thông tin, hỗ trợ khách du lịch theo tiêu chuẩn quốc tế	01	01	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông
33	Tỷ lệ bảo tồn tài nguyên du lịch (tự nhiên và nhân văn)	50%	70%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao
34	Tỷ lệ bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái và cảnh quan du lịch	50%	70%	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Du lịch; Sở Tài nguyên và Môi trường
V	Lĩnh vực Hạ tầng				
35	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch	100%	100%	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
36	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	71,2%	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
37	Tỷ lệ thất thoát nước sạch	15%	<10%	- Sở NN&PTNT (khu vực nông thôn); - Sở XD (khu vực đô thị)	UBND các huyện, thị xã, thành phố
38	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật	30%	> 50%	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
39	Tổng chiều dài các tuyến đê, kè phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển	130 km	200 km	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
40	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
41	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp	100%	10%	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố
42	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về BVMT	100%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố
43	Diện tích đất cây xanh công cộng bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị	5 m ² /người	> 6 m ² /người	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
44	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	100%	100%	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
45	Tỷ lệ quy hoạch chung đô thị được lồng ghép các mục tiêu TTX và BDKH	100%	100%	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
46	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình đô thị xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	4 khu	6 khu	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
47	Tỷ lệ công trình xây dựng nghiệm thu được cấp chứng chỉ công trình xanh	30%	100%	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
48	Tỷ lệ đường đô thị sử dụng các thiết bị và công nghệ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo để chiếu sáng	15%	60%	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố
VI	Lĩnh vực Giao thông				
49	Tỷ lệ xe buýt sử dụng năng lượng xanh/số xe buýt đang lưu hành	1%	7%	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
50	Tỷ lệ xe buýt mới sử dụng năng lượng xanh/số xe buýt mới	100%	100%	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
51	Tỷ lệ xe taxi mới sử dụng năng lượng xanh/số xe taxi mới	90%	100%	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
52	Tỷ lệ phương tiện thủy nội địa mới sử dụng năng lượng xanh phục vụ du lịch/ Tỷ lệ phương tiện thủy nội địa mới phục vụ du lịch	0%	20%	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
53	Tỷ lệ xe cơ giới đường bộ mới sử dụng năng lượng xanh/tổng số xe cơ giới đường bộ mới	13%	Tối thiểu 20%	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
54	Số lượng trạm sạc ô tô	50	150	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
55	Số km đường giao thông phi cơ giới	0 km	30km	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
56	Mật độ mạng lưới đường (tính đến đường chính khu vực, khoảng cách hai đường từ 300-500m) của tỉnh Khánh Hòa	3,2 km/km ²	4,0-6,5 km/km ²	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
57	Tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng	5%	15%	Sở Giao thông Vận tải	UBND các huyện, thị xã, thành phố
VII	Lĩnh vực Lối sống				
58	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn	40%	70%	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố
59	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí về môi trường	90%	100%	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố
60	Tỷ lệ phường đạt tiêu chí về môi trường	75%	100%	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố
61	Tỷ lệ mua sắm công xanh so với tổng mua sắm công	10%	35%	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan nhà nước

STT	Tên Chỉ tiêu	Mục tiêu 2025	Mục tiêu 2030	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
VIII	Thương hiệu xanh				
62	Cảm nhận thương hiệu			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố

PHỤ LỤC II
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2690 /QĐ-UBND ngày 15 /10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Lĩnh vực Công nghiệp			
1	Đánh giá các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện hữu theo bộ các chỉ tiêu đánh giá hoạt động sản xuất bền vững của UNIDO. Đánh giá các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo các tiêu chí của khu công nghiệp sinh thái	2024-2025	- Sở Công Thương chủ trì khảo sát đối với các doanh nghiệp trong CCN và các doanh nghiệp bên ngoài KCN/CCN; - BQL KKT Vân Phong chủ trì khảo sát đối với các doanh nghiệp trong KCN	
2	Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường	2024-2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Công Thương
3	Triển khai các giải pháp chuyển đổi xanh khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các cơ sở sản xuất công nghiệp trên cơ sở kết quả của dự án 1.	2024-2030	- Sở Công Thương chủ trì triển khai đối với các doanh nghiệp trong CCN và ngoài CCN, KCN; - BQL KKT Vân Phong chủ trì triển khai đối với các doanh	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			ngành trong KCN.	
4	Kêu gọi đầu tư và phát triển các khu công nghiệp/cụm công nghiệp đã được quy hoạch theo các chỉ tiêu của khu công nghiệp sinh thái và kinh tế tuần hoàn.	2024-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	BQL KKT Vân Phong; Sở Công Thương
5	Kêu gọi đầu tư phát triển hệ thống sản xuất điện sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo bao gồm điện mặt trời, điện gió và thủy điện tích năng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.	2024-2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	BQL KKT Vân Phong; Sở Công Thương
II	Lĩnh vực Nông nghiệp			
1	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu trực tuyến để đánh giá xếp hạng cơ sở kinh doanh nông nghiệp xanh và tiến hành cấp chứng nhận nông nghiệp xanh cho các cơ sở sản xuất	2024 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Cục Thống kê
2	Phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc các chứng nhận tương đương	2024 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Trồng phục hồi và phát triển rừng ngập mặn, thảm cỏ biển và các hệ sinh thái sẵn có trên địa bàn toàn tỉnh	2024 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thị

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				9 xã, thành phố
4	Phát triển trồng trọt công nghệ cao, đối tượng nuôi thân thiện với môi trường theo tiêu chuẩn VietGAP hoặc tương đương	2024 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Trồng rừng tăng độ che phủ	2024 - 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố
III	Lĩnh vực Du lịch			
1	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá xếp hạng cơ sở kinh doanh du lịch xanh, điểm đến du lịch và triển khai dán nhãn xanh cho các cơ sở kinh doanh du lịch, điểm đến du lịch trong toàn tỉnh.	2024 - 2030	Sở Du lịch	
2	Xây dựng các chương trình về phát triển sản phẩm du lịch xanh; phát triển tuyến điểm du lịch kết nối các khu/điểm đến du lịch xanh trong toàn tỉnh có sản phẩm chất lượng xanh, khai thác đặc thù hệ sinh thái.	2024 - 2030	Sở Du lịch	
3	Xây dựng và triển khai Đề án bảo tồn tài nguyên và cảnh quan du lịch (tự nhiên và nhân văn)	2024 - 2030	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Triển khai chiến lược định vị thương hiệu du lịch xanh	2025 - 2030	Sở Du lịch	Sở Văn hóa và Thể thao
5	Triển khai xây dựng trung tâm điều hành thông tin, hỗ trợ khách du lịch (tích hợp với bản đồ du lịch xanh, gắn liền với trung tâm điều hành thông minh của tỉnh; tích hợp vào trung tâm điều hành	2024 - 2030	Sở Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông


STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	du lịch theo phân cấp quản lý)			
IV	Lĩnh vực Hạ tầng			
1	Xây dựng, nâng cấp hệ thống kênh, sông và thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải khu vực phía Tây thành phố Nha Trang; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực thành phố Cam Ranh; Xây dựng Tuyến đường Vành đai 3 đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Võ Nguyên Giáp.	2024 - 2028	UBND tỉnh giao cơ quan lập BCDXCT/Chủ đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Giao thông Vận tải; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban QLDA Phát triển tỉnh
2	Đầu tư Khu xử lý chất thải rắn tại các huyện, thị, thành phố và Hệ thống hạ tầng thu gom, phân loại rác thải tại nguồn	2024 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị, thành phố, Sở XD
3	Trồng cây xanh để nâng cao mật độ che phủ cho các đô thị trên địa bàn tỉnh	2024 - 2030	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị, thành phố
4	Xanh hoá ga tàu, các bến xe liên tỉnh tại địa phận các đô thị và xanh hoá hành lang 2 bên đường sắt.	2024 - 2025	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị, thành phố; Sở Giao thông Vận tải
5	Xây dựng nền tảng số phục vụ quản lý CĐX-TTX tích hợp vào Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC), Trung tâm điều hành đô thị thông minh (Nha Trang, Cam Ranh, Ninh Hòa, Cam Lâm)	2024 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị, thành phố
6	Thí điểm xây dựng mô hình thoát nước bền vững tại thành phố Nha Trang và Cam Ranh	2024 - 2030	Sở Xây dựng	UBND thành phố Nha Trang; UBND thành phố Cam Ranh
7	Xây dựng hệ thống mạng lưới, công trình cấp thoát nước theo quy hoạch được duyệt	2024 - 2030	Sở Xây dựng (khu vực đô thị); Sở Nông	UBND các huyện, thị, thành phố

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			ng nghiệp và PTNT (khu vực nông thôn)	
8	Đổi mới công nghệ trong chiếu sáng đô thị	2024 - 2027	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị, thành phố
9	Rà soát đánh giá và khuyến khích đầu tư xây dựng theo tiêu chí đô thị xanh, công trình xanh	2024 - 2030	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị, thành phố
10	Kè và đường dọc sông Cái Nha Trang, đoạn qua thị trấn Diên Khánh và xã Diên Phú, huyện Diên Khánh	2024 - 2025	UBND huyện Diên Khánh	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và PTNT
V	Lĩnh vực Giao thông			
1	Mở rộng mạng lưới vận tải hành khách công cộng (VTHKCC) trên toàn tỉnh	2026 - 2027	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Phát triển hạ tầng giao thông phi cơ giới (xe đạp, đi bộ) đảm bảo phù hợp theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt	2024 - 2030	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Xây dựng mạng lưới trạm sạc xe điện sử dụng nguồn năng lượng xanh đảm bảo phù hợp theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt	2024 - 2030	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố
4	Xây dựng hệ thống thu phí không dừng (ETC) chống ùn tắc giao	2028 -	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư;

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thông vào trung tâm thành phố	2030		Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
5	Xây dựng hệ thống đỗ xe thông minh khu vực đô thị	2024 - 2027	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Xây dựng hệ thống giao thông dịch vụ tích hợp (MAAS)	2024 - 2030	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố
7	Xây dựng hệ thống quản lý và điều hành VTHKCC, giám sát giao thông tự động theo thời gian thực, các apps hướng dẫn và cung cấp thông tin hành khách	2024 - 2030	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố
8	Xây dựng hệ thống thẻ vé điện tử thông minh cho VTHKCC	2026 - 2027	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố
9	Phát triển dịch vụ chia sẻ du lịch bằng phương tiện di chuyển xanh (xe điện, xe đạp) tại các điểm du lịch	2024 - 2030	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; Sở Du lịch; UBND các huyện, thị xã, thành phố
10	Tích hợp thông tin du lịch trên bản đồ giao thông	2026 - 2028	Sở Giao thông Vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Du lịch

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
VI	Lối sống xanh			
1	Dự án Tư duy xanh - Hành động nhanh: Xây dựng sổ tay hệ giá trị xanh (gồm cẩm nang sống xanh) cho các nhóm đối tượng khác nhau tại tỉnh Khánh Hòa	2024 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Dự án Kỹ năng xanh - Thực hành sống xanh	2024 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Các tổ chức Chính trị Xã Hội; Sở Văn hóa và Thể thao
3	Dự án Cộng đồng xanh - Cuộc sống sạch	2024 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Các tổ chức Chính trị Xã Hội; Sở Văn hóa và Thể thao
4	Dự án Sông sạch - Biển xanh	2024 - 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thị, thành phố
5	Dự án Mua sắm công xanh - Thúc đẩy hợp tác công tư	2024 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính và các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan nhà nước
6	Dự án Giáo dục xanh - Tương lai xanh	2024 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài nguyên và Môi trường
VII	Chính sách khuyến khích chuyển đổi xanh			
1	Ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành các cơ chế, chính sách về khuyến khích phát triển và sử dụng năng lượng tái tạo	2025-2026	Sở Công Thương	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở,

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	theo thẩm quyền được pháp luật quy định.			ngành liên quan
2	Ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích để giảm phát thải khí nhà kính theo thẩm quyền được pháp luật quy định.	2025-2026	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan
3	Ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển các phương tiện giao thông xanh theo thẩm quyền được pháp luật quy định.	2024-2025	Sở Giao thông Vận tải	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan
4	Ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành cơ chế, chính sách quản lý chất thải và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn theo thẩm quyền được pháp luật quy định.	2024-2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan
5	Ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành cơ chế, chính sách phát triển đô thị xanh theo thẩm quyền được pháp luật quy định.	2024-2025	Sở Xây dựng	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan
6	Ban hành hoặc đề xuất Trung ương ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư của doanh nghiệp vào các lĩnh vực xanh theo thẩm quyền được pháp luật quy định.	2024-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; các sở, ngành liên quan
7	Tài chính xanh để thực hiện đề án Chuyển đổi xanh	2024-2030	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	Các sở, ngành liên quan
VIII	Thương hiệu xanh			
1	Kết hợp các yếu tố xanh vào định hướng thương hiệu tỉnh	2024 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở



STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
				Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố
2	Kết hợp các yếu tố xanh vào bộ nhận diện thương hiệu tỉnh	2025 - 2026	Sở Văn hóa và Thể thao	Sở Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện, thị xã, thành phố
3	Quy hoạch sự kiện theo các tiêu chuẩn xanh	2026 - 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Thông tin và Truyền thông
4	Truyền thông thương hiệu xanh	2025 - 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Văn hóa và Thể thao
IX	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi xanh			
1	Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị điều hành về tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế xanh, kinh tế số do Bộ, ngành Trung ương tổ chức	2024-2030	Sở Nội vụ chủ trì khu vực công; Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì khu vực tư nhân thông qua các chương trình hỗ trợ DN	Các sở, ngành liên quan
2	Đào tạo hạt nhân CĐX, TTX tỉnh Khánh Hòa	2024-2030	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và	Các sở, ngành liên quan

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
			Đào tạo; Sở Kế hoạch và Đầu tư	